

Bản án số: 10/2026/LĐ-PT

Ngày 20 - 4 - 2026

V/v tranh chấp về đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động

TAM TIEN LAW FIRM
Tài liệu tham khảo

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Nga;

Ông Nguyễn Đình Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 03/2026/TLPT-LĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 10/2025/LĐ-ST ngày 31-7-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 258/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Phụng D**, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 08218600001X; nơi cư trú: Nhà B Lô A, chung cư L, Phường E, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Ngọc T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; nơi làm việc: Công ty L2; địa chỉ: Số B, Ngõ F, đường L, phường V, quận H (nay là phường H), Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn V**;

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Đ - Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường P, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28-3-2026): Ông Nguyễn Bá O, sinh năm 1979; Căn cước công dân số: 03007901567X; nơi cư trú: Tổ B, Khu phố D, phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đ (nay là Bảo hiểm Xã hội Khu vực XXVIII).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T1 - Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 90/GUQ-BHXH ngày 30-3-2026): Bà Đinh Thị Phương H, sinh năm 1976; Căn cước công dân số: 02517601956X;

Địa chỉ nơi làm việc: Số B, đường H, phường T, tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị vắng mặt.

- *Kháng cáo:* Bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương D trình bày:

Ngày 07/9/2019, bà có ký Hợp đồng lao động số: 99/2019/HĐLĐ-VT với Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (sau đây, viết tắt là Công ty V); thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 07/9/2019 đến ngày 06/9/2020; mức lương của bà là 110.000.000 đồng/tháng (một trăm mười triệu đồng/tháng). Theo hợp đồng lao động, bà làm việc với chức vụ Giám đốc Điều hành tại Văn phòng Đại diện Công ty V ở Thành phố Hồ Chí Minh do công ty C (sau này, công ty thuê văn phòng tại Lầu C, Số A, đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà xác định trong suốt quá trình làm việc, bà luôn chấp hành nội quy và quy chế công ty.

Ngày 11/11/2019, ông Vũ Văn Đ (người đại diện theo pháp luật của công ty) muốn bổ nhiệm bà làm Giám đốc Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực thay cho chức vụ hiện tại; bà thống nhất với ông Đ đối với chức vụ mới, công ty có đưa cho bà ký vào Biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng ngày 13/11/2019; ngày 14/11/2019, ông Đ ký xong biên bản và trả lại cho bà 02 bản chính, với lý do, yêu cầu bà tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng lao

động đã ký kết, đề nghị bà hủy biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng nói trên, yêu cầu bà đi công tác với chức vụ Giám đốc Điều hành theo sự phân công chỉ đạo của ông Đ. Bà đồng ý hủy hai biên bản thanh lý nói trên và đi công tác, làm việc theo yêu cầu chỉ đạo của ông Đ.

Đến cuối tháng 11 năm 2019, công ty B hợp đồng thuê mặt bằng, bà không có chỗ ngồi để làm việc cho công ty. Bà nhiều lần liên hệ với công ty và ông Đ, nhưng không thấy phản hồi. Điều này thể hiện, công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà. Công ty đã không bố trí nơi làm việc, phương tiện, để thực hiện công việc, không trả lương cho bà từ tháng 11 năm 2019 đến khi khởi kiện (ngày 06/8/2020).

Bà khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

1/ Buộc Công ty V nhận bà trở lại làm việc.

2/ Buộc Công ty V thanh toán cho bà các khoản tiền (với mức lương là 110.000.000 đồng/tháng) và các khoản phụ cấp khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 07/9/2019 tạm tính đến ngày 06/8/2020, như sau:

- Số tiền lương Công ty V thanh toán còn thiếu của tháng 9 và 10/2019 là 15.000.000 đồng x 02 tháng = 30.000.000 đồng.
- Tiền lương Công ty V thanh toán còn thiếu của tháng 11/2019 là 68.000.000 đồng.
- Số tiền lương Công ty V chưa thanh toán từ tháng 12/2019 đến ngày 06/8/2020 là 110.000.000 đồng x 08 tháng = 880.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà ít nhất 02 tháng lương là 220.000.000 đồng.
- Tổng cộng số tiền bà yêu cầu Công ty V thanh toán là: 1.198.000.000 đồng.

3/ Buộc Công ty V phải liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội, để đóng tiền bảo hiểm xã hội (*viết tắt là BHXH*), bảo hiểm y tế (*viết tắt là BHYT*), bảo hiểm thất nghiệp cho bà, theo mức lương trong hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng/tháng từ tháng 09/2019 tạm tính đến ngày 06/8/2020.

Quá trình Tòa án giải quyết, bà có thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

1/ Không yêu cầu Công ty V nhận bà trở lại làm việc.

2/ Buộc Công ty V thanh toán cho bà các khoản tiền (với mức lương là 110.000.000 đồng/tháng) và các khoản phụ cấp khác theo quy định của pháp

luật kể từ ngày 07/9/2019 đến ngày 06/9/2020 (ngày hết hạn hợp đồng), như sau:

- Số tiền lương Công ty V thanh toán còn thiếu của tháng 9 và 10/2019 là 15.000.000 đồng x 02 tháng = 30.000.000 đồng.
- Tiền lương Công ty V thanh toán còn thiếu của tháng 11/2019 là 68.000.000 đồng.
- Số tiền lương Công ty V chưa thanh toán từ tháng 12/2019 đến ngày 06/9/2020 là 110.000.000 đồng x 09 tháng = 990.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà ít nhất 02 tháng lương là 220.000.000 đồng.
- Tổng cộng là 1.308.000.000 đồng.

3/ Buộc Công ty V phải liên hệ với cơ quan BHXH, để đóng tiền BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho bà theo mức lương trong hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng/tháng từ tháng 9 năm 2019 đến ngày 06/9/2020.

Căn cứ để bà yêu cầu số tiền lương còn thiếu của tháng 9 và 10 năm 2019 là 15.000.000 đồng x 02 tháng = 30.000.000 đồng, tiền lương còn thiếu của tháng 11 năm 2019 là 68.000.000 đồng là dựa vào việc thanh toán tiền lương của công ty (chuyển khoản) trong các tháng này cho bà là không đủ so với mức lương đã ký kết trong hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng/tháng.

Việc bà ký vào Biên bản thanh lý hợp đồng lao động ngày 11/11/2019 và Biên bản bàn giao ngày 13/11/2019 là để chuyển vị trí công tác nêu trên. Việc chuyển đổi vị trí công tác này chưa lập văn bản riêng mà được thể hiện trong mục 4.2.1 của Biên bản thanh lý hợp đồng lao động ngày 11/11/2019. Thực tế, sau khi thanh lý hợp đồng và bàn giao công việc với công ty như đã nêu trên, ông Đ không chuyển đổi vị trí công tác của bà và yêu cầu bà giữ nguyên công việc cũ, trả lại bà bản chính “Biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng lao động ngày 11/11/2019” và yêu cầu bà đi công tác với chức danh cũ.

Bà đã cung cấp bản chính sao kê của ngân hàng, thể hiện nội dung công ty thanh toán cho bà tiền lương, tiền đi công tác ngày 14/11/2019 và ngày 15/11/2019. Bà cũng đã cung cấp cho Tòa án bản chính biên bản làm việc ngày 15/11/2019, giữa ông Hoàng Thế L với Công ty V do bà đại diện làm việc với chức vụ Giám đốc điều hành, email trao đổi giữa Công ty V với bác sỹ L, cùng nội dung mời bác sỹ L về làm việc tại Công ty V. Bác sỹ Hoàng Thế L cũng đã đến Tòa án làm việc. Bà đã cung cấp vi bằng, thể hiện việc trao đổi thông tin

với ông Đ và những người có thẩm quyền của Công ty V sau ngày 13/11/2019, để chứng minh bà vẫn làm việc với Công ty V.

Như vậy, giữa bà và công ty không có một văn bản nào thể hiện việc chấm dứt hợp đồng lao động, bà tiếp tục làm việc tại công ty là đúng quy định của pháp luật. Việc Công ty V đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà là vi phạm quy định của pháp luật.

2. Bị đơn Công ty V trình bày:

Ngày 07/9/2019, Công ty V và bà Nguyễn Thị Phương D đã ký kết Hợp đồng lao động số: 99/2019/HĐLĐ-VT (thời hạn 12 tháng, từ 07/9/2019 - 06/9/2020), bà D đảm nhận chức vụ Giám đốc Điều hành của công ty và thực hiện đạt các cam kết liên quan đến công việc phải thực hiện cho công ty định kèm theo Hợp đồng; cụ thể, bà D đã ký cam kết chỉ tiêu kinh doanh với công ty tại “Biên bản làm việc” số: 17/VTSG/BBLV-VP ngày 07/9/2019, nội dung là “*Công ty sẽ tiến hành đánh giá năng lực của bà D thông qua kết quả kinh doanh Quý 4/2019 từ thời điểm ký hợp đồng lao động đến ngày 30/11/2019*”; cũng trong văn bản này, các bên đã thỏa thuận rõ “*Trong trường hợp bà D không hoàn thành các số liệu chi tiết theo bảng kế hoạch hành động đã cam kết với công ty thì hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng*”. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc tại công ty từ ngày 07/9/2019 đến ngày 11/11/2019, bà D đã không chứng minh được kết quả do bà đã cam kết; do đó, Công ty V và bà D đã hợp, để trao đổi về vấn đề này và hai bên đã tự nguyện, đồng ý thống nhất tiến hành thanh lý chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.

Vào ngày 11/11/2019, hai bên xác lập ký kết Biên bản thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động số: 99/2019/HĐLĐ-VT, bà D cũng đã ký Biên bản bàn giao về việc thỏa thuận thanh lý hợp đồng trước thời hạn cũng trong ngày này. Từ các cơ sở trên, Công ty V cho rằng việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà D hoàn toàn dựa trên cơ sở 02 bên tự nguyện thỏa thuận chấm dứt quan hệ lao động, giữa bà D và Công ty V đã thanh lý hợp đồng vào ngày 11/11/2019 và bàn giao toàn bộ công việc vào ngày 13/11/2019. Việc bà D khởi kiện Công ty V đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là không có cơ sở.

Như đã trình bày ở trên, nên Công ty V ngừng thanh toán các khoản lương, thưởng, phúc lợi cho bà D kể từ thời điểm ngày 11/11/2019 trở về sau là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu thanh toán lương còn thiếu tháng 9 và 10/2019, Công ty V đã hoàn tất chi trả lương tháng 9 và 10/2019 theo hợp đồng lao động, thỏa thuận các bên và dựa trên kết quả thực hiện công

việc của bà D trong giai đoạn còn làm việc tại công ty, thể hiện qua chứng từ chi trả lương cho bà D. Do đó, bà D yêu cầu Công ty V thanh toán lương còn thiếu của tháng 9 và 10/2019 là không có cơ sở.

Về việc thanh toán lương còn thiếu tháng 11/2019 và từ tháng 12/2019 đến ngày 06/9/2020: Thời điểm này, Công ty V và bà D không tồn tại quan hệ lao động, bà D không còn làm việc cho công ty; do đó, không có cơ sở để yêu cầu Công ty V thanh toán cho bà D.

Về yêu cầu Công ty V đóng BHXH, BHYT cho bà D theo mức lương trong Hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng từ tháng 9/2019 đến 06/9/2020: Yêu cầu này là không có cơ sở; bởi vì, theo thỏa thuận của Công ty V và bà D, công ty và bà D sẽ tham gia bảo hiểm cho bà D dựa trên mức đóng bảo hiểm là 14.038.010 đồng. Việc đóng bảo hiểm theo mức đóng này do các bên đã tự nguyện thỏa thuận, công ty đã thực hiện đầy đủ từ 07/9/2019 - 11/11/2019. Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng lao động, bà D hoàn toàn đồng ý và nhất trí với việc công ty tham gia bảo hiểm cho bà D với mức tham gia bảo hiểm là 14.038.010 đồng, việc trích đóng bảo hiểm hàng tháng bà D đều biết rõ, bà D không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào về mức đóng này trong suốt quá trình làm việc tại Công ty V. Khi hai bên chấm dứt hợp đồng lao động, bà D mới cố tình đi ngược lại với thỏa thuận của các bên, để yêu cầu đóng bảo hiểm với mức đóng khác với thỏa thuận của các bên ban đầu.

Đối với thời điểm hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động (từ sau ngày 11/11/2019): Hai bên đã chấm dứt hợp đồng lao động theo Biên bản thỏa thuận thanh lý Hợp đồng lao động ký kết ngày 11/11/2019, nên công ty không có cơ sở, để tiếp tục tham gia bảo hiểm cho bà D. Từ những căn cứ nêu trên, việc Bà D yêu cầu Công ty V đóng BHXH, BHYT cho bà theo mức lương trong hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng từ tháng 9/2019 tạm tính đến ngày 06/9/2020 là không có căn cứ.

Như vậy, các yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà D, Công ty V không chấp nhận. Hiện nay, công ty và bà D không còn mối quan hệ lao động. Công ty chỉ đồng ý thanh toán cho bà D tiền số tiền 18.000.000 đồng chưa thanh toán.

Ngoài ra, đối với biên bản làm việc ngày 11/5/2019, giữa ông Hoàng Thế L với Công ty V do bà D cung cấp, phía công ty không biết về biên bản làm việc này.

3. Bảo hiểm Xã hội khu vực XXVIII trình bày:

Bà D yêu cầu Công ty V phải liên hệ với cơ quan BHXH, để đóng tiền BHXH, BHYT cho bà theo mức tiền lương trong hợp đồng lao động (*viết tắt là HĐLĐ*) là 110.000.000 đồng/tháng, từ tháng 09/2019 đến ngày 06/8/2020, cơ quan BHXH có ý kiến như sau:

1/ Xác nhận quá trình đóng BHXH của bà D: Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh ngày 29/09/1986, mã số BHXH 7910402142, có quá trình tham gia đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp (*viết tắt là BI*), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (*viết tắt là BHTNLD-BNN*) tại Công ty V từ tháng 9-11/2019, với mức tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN hàng tháng là 14.038.010 đồng (kèm bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN của bà D).

2/ Về việc truy đóng BHXH:

- Đối với thời gian từ tháng 9-11/2019: Căn cứ quy định của pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN thì tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật về lao động ghi trong HĐLĐ. Trường hợp tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN cao hơn 20 lần mức lương cơ sở, thì tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN bằng 20 lần mức lương cơ sở; mức tiền lương tháng đóng BHTN cao hơn 20 tháng lương tối thiểu vùng thì mức tiền lương tháng đóng BHTN bằng 20 tháng lương tối thiểu vùng tại thời điểm đóng.

Trong trường hợp giữa bà Nguyễn Thị Phương D1 và Công ty V có ký HĐLĐ với mức tiền lương ghi trong HĐLĐ là 110.000.000 đồng/tháng, thì công ty phải truy đóng phần chênh lệch so với mức tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN cho bà D1 tại thời điểm tháng 9, 10 và 11/2019 như sau:

+ Mức tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN là 29.800.000 đồng/tháng.

+ Mức tiền lương tháng đóng BHTN là 83.600.000 đồng/tháng.

- Đối với thời gian từ tháng 12/2019 đến ngày 06/8/2020: Trong trường hợp nếu Tòa án tuyên quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty V đối với bà Nguyễn Thị Phương D là trái quy định của pháp luật, hợp đồng lao động của bà D với công ty C1, công ty phải trả tiền lương cho bà D trong những ngày không làm việc do lỗi của công ty, thì Công ty V phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN cho bà D theo quy định của pháp luật

đối với thời gian từ tháng 12/2019 đến tháng 7/2020, với mức tiền lương hàng tháng theo phán quyết của Tòa án. (Tháng 8/2020 không phải đóng BHXH vì người lao động không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng).

4. Người làm chứng ông Nguyễn Hưng T2 trình bày:

Vào ngày 14/11/2019, ông có làm việc với bà D với tư cách là Giám đốc điều hành của Công ty V, để bàn về việc hợp tác với công ty. Sau khi cùng bà D đi tham quan các cơ sở chi nhánh của công ty, ông cùng bà D về trụ sở chính của công ty tại đường P, phường T, thành phố B, để gặp ông Đ. Sau khi về nhà suy nghĩ, thì ông đưa ra quyết định không hợp tác với công ty. Việc trao đổi hợp tác thông qua mail và điện thoại với bà D.

5. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 10/2025/LĐ-ST ngày 31-7-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, đã quyết định:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phụng D về việc yêu cầu Công ty V nhận bà trở lại làm việc.

2/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phụng D về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”:

Buộc Công ty V có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phụng D:

- Số tiền lương thanh toán còn thiếu của tháng 9 và 10/2019 là 15.000.000 đồng x 2 tháng = 30.000.000 đồng.
- Số tiền lương tháng 11/2019 còn thiếu là 68.000.000 đồng.
- Số tiền lương chưa thanh toán từ tháng 12/2019 đến ngày 06/9/2020 là 110.000.000 đồng x 09 tháng = 990.000.000 đồng.
- Bồi thường 02 tháng lương là 220.000.000 đồng.
- Tổng cộng Công ty V phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị P Duyệt số tiền 1.308.000.000 đồng (một tỷ ba trăm lẻ tám triệu đồng).

Buộc Công ty V phải liên hệ với cơ quan BHXH, để:

- Truy đóng phần chênh lệch so với mức tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà D tại thời điểm tháng 9, 10 và 11/2019, theo mức lương trong hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng/tháng.

- Đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN cho bà D từ tháng 12/2019 đến ngày 06/9/2020 theo mức lương trong hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng/tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

6. Kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận tất cả các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

7. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư đã phân tích, đưa ra các luận cứ, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về cơ bản, tương tự như nguyên đơn đã trình bày ở trên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số: 10/2025/LĐ-ST ngày 31-7-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

8. Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

8.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

8.2. Quan điểm đối với vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số: 10/2025/LĐ-ST ngày 31-7-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” và xác định những người tham gia tố tụng đúng và đầy đủ.

[2] Về nội dung tranh chấp và kháng cáo của bị đơn:

2.1. Về hiệu lực của Hợp đồng lao động:

Ngày 07/9/2019, bà Nguyễn Thị Phụng D và Công ty V có ký Hợp đồng lao động số: 99/2019/HĐLĐ-VT, xác định thời hạn 01 năm (từ ngày 07/9/2019 đến ngày 06/9/2020), công việc là Giám đốc Điều hành, làm việc tại Văn phòng Đại diện của Công ty V (Lầu C, Số A, đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh), mức lương theo hợp đồng là 110.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng được hai bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật về giao kết hợp đồng lao động, nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

2.2. Về việc chấm dứt hợp đồng lao động:

Tại Biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng lao động ngày 11/11/2019, do bị đơn cung cấp bản sao chụp, có đóng giáp lai một đồ của Công ty V (bút lục số 81 và 82): Phía dưới biên bản, có ghi thêm nội dung: “*Đề nghị công ty đóng bảo hiểm cho người lao động hết tháng 11. Chi phí đóng bảo hiểm Công ty chịu trách nhiệm thanh toán 100% (không trừ vào phần thanh toán 60 triệu).* Nếu sau ngày 13.11 người lao động không nhận được phần thanh toán chi phí lương trong tháng 11 thì xem như biên bản thanh lý hợp đồng không có giá trị”. Phía dưới nội dung ghi thêm này, là nội dung: “*Chấp thuận nội dung trên, 14/11/2019*”, có chữ ký của ông Vũ Văn Đ (người đại diện theo pháp luật của Công ty V).

Nguyên đơn cung cấp 02 bản chính Biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng lao động ngày 11/11/2019, phía dưới biên bản, có ghi thêm nội dung: “*Đề nghị công ty đóng bảo hiểm cho người lao động hết tháng 11. Chi phí đóng bảo hiểm công ty chịu trách nhiệm thanh toán 100% (không trừ vào phần thanh*

toán 60 triệu. Nếu sau trong ngày 13.11.2019 người lao động không nhận được đủ phần thanh toán chi phí lương trong tháng 11 thì xem như biên bản thanh lý hợp đồng không có giá trị”; phía dưới nội dung ghi thêm là nội dung: “Chấp thuận nội dung trên, 14/11/2019”, có chữ ký của ông Vũ Văn Đ. Nội dung trong 02 biên bản bản chính này, khác với phần nội dung tại tài liệu bị đơn cung cấp nêu trên, cụ thể: “Nếu sau trong ngày 13.11.2019 người lao động không nhận được đủ phần thanh toán...”; theo bà D, bà đã gạch chữ “sau” thay bằng chữ “trong” và thêm số “2019” vào sau “ngày 13.11”; mục đích bà D chỉnh sửa, là để ghi nhận chính xác nội dung bà và ông Đ trao đổi với nhau, không làm sai lệch nội dung của thỏa thuận.

Theo bà D trình bày: Ông Đ trả lại cho bà 02 bản chính biên bản, với lý do ngày 13/11/2019, Giám đốc chuyên môn của công ty N; do đó, ông Đ cần phải tìm gấp bác sỹ có chuyên môn, để mời về hợp tác, đảm nhiệm vị trí Giám đốc chuyên môn bị khuyết. Chiều ngày 13/11/2019, ông Đ yêu cầu bà tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng lao động đã ký kết, đề nghị bà hủy biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng nói trên, yêu cầu bà đi công tác với chức vụ Giám đốc Điều hành theo sự phân công chỉ đạo của ông Đ. Bà đồng ý hủy hai biên bản thanh lý nói trên và đi công tác, làm việc theo yêu cầu chỉ đạo của ông Đ, cụ thể: Vào ngày 14/11/2019, làm việc với bác sỹ Nguyễn Hưng T2; và ngày 15/11/2019, làm việc với bác sỹ Hoàng Thế L. Công ty V đã thanh toán cho bà tiền lương, tiền đi công tác các ngày 14/11/2019 và 15/11/2019. Trình bày của bà D phù hợp với trình bày của bác sỹ Nguyễn Hưng T2 và bác sỹ Hoàng Thế L (bút lục số 142 và 143) và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vi bằng do bà D cung cấp thể hiện: Sau ngày 13/11/2019, bà D vẫn trao đổi thông tin với ông Đ và những người có thẩm quyền của Công ty V về công việc, hướng giải quyết của công ty về hợp đồng lao động giữa bà và công ty, việc bố trí công việc sau khi công ty trả mặt bằng. Như vậy: Giữa bà D và Công ty V có ký kết biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng lao động nhưng các bên đã hủy bỏ thỏa thuận này, Công ty V vẫn giao việc cho bà D, thể hiện việc các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động.

Bị đơn cung cấp Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số: 65.1/2019/QĐTV-VTSG ngày 12/11/2019, nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh đã giao cho bà D quyết định này. Đến ngày 16/12/2019, Công ty V tiếp tục gửi email (thư điện tử), yêu cầu bà D mang biên bản thanh lý hợp đồng bản gốc và sổ BHXH đến làm việc; điều này thể hiện, không có việc ngày 12/11/2019, công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà D, thể

hiện tại Vì bằng số: 292/2023/VB-TPL (trang 20). Bà D khẳng định, không biết và không được nhận quyết định trên từ Công ty V.

Bà D cung cấp Giấy khai sinh của cháu Trương Phúc L1 (con bà D), thể hiện cháu L1 sinh ngày 18/01/2019.

Từ các nhận định trên, các bên chưa chấm dứt hợp đồng lao động; Công ty V ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số: 65.1/2019/QĐTV-VTSG ngày 12/11/2019 mà không báo trước cho bà D biết; tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động bà D đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi; việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, vi phạm điểm a khoản 2 Điều 36 và khoản 3 Điều 37 của Bộ luật Lao động.

2.3. Đối với yêu cầu thanh toán các khoản tiền và bồi thường của nguyên đơn:

Công ty V đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động được quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá và chấp nhận tổng cộng số tiền 1.308.000.000 đồng (một tỷ ba trăm lẻ tám triệu đồng) là có căn cứ.

2.4. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải liên hệ với cơ quan BHXH, để đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN theo mức lương trong hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng/tháng từ tháng 9 năm 2019 đến ngày 06/9/2020:

Tại trang 02 hợp đồng lao động, ghi nhận: “Thu nhập của người lao động được thỏa thuận là thu nhập gộp... Theo đó, công ty và người lao động sẽ thực hiện việc trích từ thu nhập gộp theo thỏa thuận từ hợp đồng này để nộp các khoản bảo hiểm bắt buộc, thuế thu nhập cá nhân và các khoản phải nộp khác theo quy định hiện hành khác của pháp luật.”. Theo đó, mức lương trong hợp đồng lao động của bà D là 110.000.000 đồng/tháng nên phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN trên số tiền 110.000.000 đồng. Yêu cầu của bà D là có căn cứ nên được chấp nhận.

Công ty V đã đóng bảo hiểm cho bà D từ tháng 9 đến tháng 11/2019 với mức tiền đóng là 14.038.010 đồng; vì vậy, công ty phải truy đóng phần chênh lệch so với mức tiền lương tháng đóng các khoản bảo hiểm cho bà D tại thời điểm tháng 9, 10 và 11/2019, theo mức lương trong hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng/tháng.

Ngoài ra, Công ty V phải đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN cho bà D từ tháng 12/2019 đến ngày 06/9/2020, theo mức lương trong hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng/tháng.

2.5. Kết luận:

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên và Luật sư.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V; giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số: 10/2025/LĐ-ST ngày 31-7-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

Áp dụng: Các Điều 36, 41, 42 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động 2019; Nghị định số: 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; quy định về án phí nêu trên;

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phụng D, về việc yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V nhận bà Nguyễn Thị Phụng D trở lại làm việc.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phụng D, về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V:

2.1. Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phụng D:

- Số tiền lương thanh toán còn thiếu của tháng 9 và tháng 10 năm 2019 là 15.000.000 đồng x 2 tháng = 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);
- Số tiền lương tháng 11/2019 còn thiếu, số tiền 68.000.000 đồng (sáu mươi tám triệu đồng);
- Số tiền lương chưa thanh toán từ tháng 12 năm 2019 đến ngày 06/9/2020 là 110.000.000 đồng x 09 tháng = 990.000.000 đồng (chín trăm chín mươi triệu đồng).
- Bồi thường 02 tháng lương là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

Tổng cộng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn V phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị P Duyen số tiền **1.308.000.000 đồng** (một tỷ ba trăm lẻ tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. *Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V phải có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội, để:*

- Truy đóng phần chênh lệch so với mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà D tại thời điểm tháng 9, 10 và 11 năm 2019, theo mức lương trong hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng/tháng (một trăm mười triệu đồng trên tháng).
- Đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị Phụng D, thời gian từ tháng 12 năm 2019 đến ngày 06/9/2020, theo mức lương trong hợp đồng lao động là 110.000.000 đồng/tháng (một trăm mười triệu đồng trên tháng).

3. Về án phí:

3.1. *Án phí lao động sơ thẩm:*

Bà Nguyễn Thị Phụng D được miễn án phí.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn V chịu nộp 51.240.000 đồng (năm mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

3.2. *Án phí lao động sơ phúc thẩm:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai T3 tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án: số 0001346 ngày 15-01-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Công ty Trách nhiệm hữu hạn V đã nộp xong.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Văn phòng ⁽¹²⁾.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành